

giống, phân bón, thuốc trừ sâu, các chi phí khác... để phục vụ trực tiếp cho sản xuất.

3.3. Trường hợp các tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện nhiệm vụ cho vay các nhu cầu tại điểm 2 và 3 Thông tư này có khó khăn về nguồn vốn, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để được xem xét xử lý.

#### 4. Tổ chức thực hiện:

##### 4.1. Đối với Ngân hàng Nhà nước:

- Các Vụ, Cục chức năng của Ngân hàng Nhà nước, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, theo dõi chặt chẽ, xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh mà các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng đề nghị.

- Các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, phối hợp chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước. Hàng tháng, tổ chức họp giao ban với các tổ chức tín dụng trên địa bàn để nắm tình hình và có biện pháp chỉ đạo, xử lý vướng mắc thuộc phạm vi chức năng của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước. Đồng thời, tổng hợp báo cáo vào ngày 5 hàng tháng kết quả triển khai nhiệm vụ của các tổ chức tín dụng tại địa bàn về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

##### 4.2. Đối với các tổ chức tín dụng:

- Căn cứ các quy định tại Thông tư này, các tổ chức tín dụng hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện sớm.

- Định kỳ vào ngày 5 hàng tháng, các tổ chức tín dụng tổng hợp gửi báo cáo kết quả cho vay mua lúa, gạo tránh lũ và cho vay khôi phục sản xuất ở vùng bị lũ lụt tháng trước về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng).

##### 4.3. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước  
Phó Thống đốc

NGUYỄN VĂN GIÀU

## **QUYẾT ĐỊNH số 448/2000/QĐ-NHNN2** **ngày 20/10/2000 ban hành Quy định** **về việc thu phí dịch vụ thanh toán** **qua ngân hàng.**

### THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10; Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;*

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Để các ngân hàng có nguồn trang trải chi phí về dịch vụ thanh toán cung cấp cho khách hàng và góp phần phát triển và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ thanh toán qua ngân hàng;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thay thế cho Quyết định số 162/QĐ-NH2 ngày 19/8/1993 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thu phí dịch vụ thanh toán qua ngân hàng và Quyết định số 297/QĐ-NH2 ngày 09/9/1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thu phí đối với việc rút tiền mặt bằng thẻ tín dụng. Các quy định trước đây của Ngân hàng Nhà nước về việc thu phí dịch vụ thanh toán trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính, Chánh Thanh tra Ngân hàng

096667335

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



Nhà nước, Thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước  
Phó Thống đốc

NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG

## **QUY ĐỊNH về việc thu phí dịch vụ thanh toán qua ngân hàng**

(ban hành kèm theo Quyết định số 448/2000/QĐ-NHNN2 ngày 20/10/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng.**

1. Quy định này áp dụng đối với việc thu phí dịch vụ thanh toán của Ngân hàng Nhà nước và của các tổ chức tín dụng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước cho phép làm dịch vụ thanh toán.

2. Việc thu phí dịch vụ thanh toán trong quan hệ thanh toán giữa Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng được phép làm dịch vụ thanh toán quốc tế với tổ chức, cá nhân hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy tắc và thông lệ quốc tế nếu các quy tắc và thông lệ đó không trái pháp luật Việt Nam.

#### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ.**

Trong Quy định này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Ngân hàng: là Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước cho phép làm dịch vụ thanh toán.

2. Khách hàng: là tổ chức, cá nhân có giao dịch trực tiếp với ngân hàng về thanh toán và chuyển tiền qua ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Dịch vụ thanh toán qua ngân hàng (gọi tắt là dịch vụ thanh toán): là công việc do ngân hàng thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, nhằm phục vụ trực tiếp cho việc thanh toán và chuyển tiền của khách hàng qua ngân hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

4. Phí dịch vụ thanh toán: là khoản thu của ngân hàng đối với khách hàng có sử dụng dịch vụ thanh toán, là giá hoặc phí thực hiện dịch vụ thanh toán chưa có thuế giá trị gia tăng.

**Điều 3.** Phạm vi và thẩm quyền quy định mức thu phí dịch vụ thanh toán.

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định:

a) Mức thu phí dịch vụ thanh toán của Ngân hàng Nhà nước trong giao dịch thanh toán với các tổ chức tín dụng và Kho bạc nhà nước. Mức thu phí này chỉ áp dụng đối với tổ chức tín dụng và Kho bạc nhà nước (sở giao dịch, chi nhánh) mở tài khoản tại Ngân hàng nhà nước và có giao dịch thanh toán trực tiếp với Ngân hàng Nhà nước.

b) Mức thu phí đối với một số dịch vụ thanh toán do tổ chức tín dụng cung cấp cho khách hàng trong trường hợp cần thiết, theo mục tiêu nhất định để thực hiện chính sách của Nhà nước và quản lý hoạt động ngân hàng.

2. Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng được ấn định mức thu phí của từng dịch vụ thanh toán cụ thể cung cấp cho khách hàng (trừ dịch vụ thanh toán Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã quy định mức thu phí) phù hợp với nội dung, điều kiện và phương thức thực hiện dịch vụ của tổ chức mình.

**Điều 4.** Tổ chức tín dụng trước khi áp dụng phải gửi Biểu phí dịch vụ thanh toán kèm theo các tiêu chuẩn về nội dung, điều kiện và phương thức thực hiện dịch vụ của mình cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Kế toán - Tài chính và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước) để theo dõi, đồng thời niêm yết công khai tại nơi giao dịch để khách hàng biết.



**Điều 5.**

1. Ngân hàng chỉ được thu phí theo mức đã niêm yết tại Biểu phí dịch vụ thanh toán của mình, không được thu thêm bất kỳ một khoản tiền nào khác để thực hiện dịch vụ thanh toán, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp khách hàng chuyển tiền bằng điện báo, TELEX hoặc qua hệ thống SWIFT để thanh toán với nước ngoài hoặc có yêu cầu chuyển chứng từ đi trong nước và nước ngoài bằng thư bảo đảm, qua các hãng chuyển phát nhanh thì ngân hàng được thu thêm tiền điện phí, bưu phí hoặc phí chuyển phát nhanh theo mức quy định của tổ chức cung cấp dịch vụ này.

3. Ngân hàng không phải hoàn trả lại khoản phí dịch vụ thanh toán đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ dịch vụ thanh toán hoặc dịch vụ thanh toán không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của ngân hàng gây ra và ngân hàng đã xử lý đúng trách nhiệm quy định.

**II. CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 6.** Các loại hình dịch vụ thanh toán ngân hàng được thu phí dịch vụ.

1. Cung ứng các phương tiện thanh toán, gồm có: séc, thẻ ngân hàng, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi và các phương tiện thanh toán khác được sử dụng để thực hiện giao dịch thanh toán qua ngân hàng theo quy định của chế độ thanh toán hiện hành.

2. Dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng, gồm có:

- Dịch vụ thanh toán cho các khách hàng mở tài khoản ở khác đơn vị ngân hàng (sở giao dịch, chi nhánh);
- Chuyển tiền cấp phát kinh phí, điều chuyển vốn;
- Chuyển tiền đến một đơn vị ngân hàng khác để sử dụng;
- Trả lương vào tài khoản;

- Yêu cầu hủy hoặc sửa đổi chuyển tiền;
- Thu hộ và chi hộ trong nước;
- Các dịch vụ thanh toán khác trong nước cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3. Dịch vụ thanh toán quốc tế cho khách hàng, gồm có:

- a) Chuyển tiền ra nước ngoài (gồm cả chuyển tiền ra nước ngoài khi thanh toán Thư tín dụng trả ngay và trả chậm);
- b) Nhận tiền từ nước ngoài chuyển đến;
- c) Thu hộ và chi hộ với nước ngoài:
  - Nhờ nước ngoài thu hộ, bao gồm: nhận, xử lý, gửi chứng từ đi nước ngoài nhờ thu và thanh toán kết quả nhờ thu;
  - Hủy nhờ thu theo yêu cầu của cá nhân hoặc đơn vị nhờ thu trong nước;
  - Thu hộ nước ngoài;
  - Đổi séc du lịch lấy tiền mặt ngoại tệ.

d) Các dịch vụ thanh toán khác với nước ngoài mà Ngân hàng được phép thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 7.** Các trường hợp ngân hàng không được thu phí dịch vụ thanh toán.

1. Các khoản thanh toán trực tiếp giữa khách hàng với ngân hàng nơi mở tài khoản về trả nợ, trả lãi, trả phí dịch vụ, trả tiền mua giấy tờ in hoặc phương tiện thanh toán.

2. Các khoản vay, trả giữa các tổ chức tín dụng khi tham gia thị trường liên ngân hàng.

**Điều 8.** Tính và thu thuế giá trị gia tăng khi thu phí dịch vụ thanh toán.

1. Ngân hàng Nhà nước không tính và thu thuế giá trị gia tăng khi thu phí dịch vụ thanh toán.

2. Tổ chức tín dụng được tính và cộng thêm thuế giá trị gia tăng khi thu phí dịch vụ thanh toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.



**Điều 9. Đơn vị thu và trả tiền dịch vụ thanh toán.**

1. Đối với dịch vụ cung ứng các phương tiện thanh toán: Ngân hàng cung ứng (bán) phương tiện thanh toán thu phí dịch vụ từ khách hàng có nhu cầu sử dụng.

2. Đối với dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng:

a) Trường hợp thanh toán và chuyển tiền bằng ủy nhiệm chi, lệnh chuyển Có hoặc nộp tiền mặt, Ngân phiếu thanh toán để chuyển đi: Ngân hàng phục vụ bên chuyển tiền thu phí dịch vụ thanh toán đối với khách hàng là bên chuyển tiền;

b) Trường hợp thanh toán bằng Séc, ủy nhiệm thu: Ngân hàng phục vụ bên trả tiền thu phí dịch vụ thanh toán đối với khách hàng là bên trả tiền; đối với lệnh chuyển Nợ, ngân hàng phục vụ người phát lệnh là ngân hàng thu phí dịch vụ thanh toán đối với khách hàng là người phát lệnh;

c) Thanh toán bù trừ trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khu vực thanh toán bù trừ điện tử: Ngân hàng Nhà nước chủ trì thanh toán bù trừ thu phí đối với ngân hàng thành viên trả tiền;

d) Dịch vụ nhờ thu hộ trong nước đối với Séc, ủy nhiệm thu, Thương phiếu phát hành và thanh toán trong nước: Ngân hàng phục vụ bên thụ hưởng (đơn vị thu hộ) hoặc ngân hàng phục vụ bên đòi tiền thu phí dịch vụ đối với người hoặc đơn vị nộp Séc, ủy nhiệm thu, Thương phiếu để nhờ thu hộ.

3. Đối với dịch vụ thanh toán quốc tế cho khách hàng:

a) Ngân hàng phục vụ bên chuyển tiền ra nước ngoài thu phí dịch vụ chuyển tiền đối với khách hàng là bên chuyển tiền;

b) Ngân hàng phục vụ bên thụ hưởng thu phí dịch vụ thanh toán đối với khách hàng là bên thụ hưởng;

c) Dịch vụ nhờ nước ngoài thu hộ Séc, tiền nước ngoài không đủ tiêu chuẩn lưu hành, bộ chứng từ cho khách hàng trong nước: Ngân hàng phục vụ bên nộp hoặc bên đòi tiền thu phí dịch vụ thu hộ đối với khách hàng là bên nộp hoặc bên đòi

tiền về nhận, xử lý và gửi chứng từ đi nước ngoài nhờ thu và thanh toán kết quả nhờ thu;

d) Dịch vụ thu hộ nước ngoài: Ngân hàng phục vụ bên trả tiền thu phí dịch vụ thu hộ nước ngoài đối với khách hàng là bên trả tiền trong nước về nhận, xử lý nhờ thu của nước ngoài và thanh toán (chuyển tiền) trả nước ngoài.

4. Đối với dịch vụ thanh toán khác: Ngân hàng được thỏa thuận trực tiếp với khách hàng có nhu cầu sử dụng để xác định đơn vị thu, trả phí dịch vụ thanh toán trên nguyên tắc tự nguyện và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên có liên quan.

**Điều 10. Cách thu, trả phí dịch vụ thanh toán giữa ngân hàng và khách hàng.**

1. Giữa tổ chức tín dụng với khách hàng: Tổ chức tín dụng có thể thu phí dịch vụ thanh toán theo 2 cách:

a) Thu từng lần khi tổ chức tín dụng thực hiện dịch vụ thanh toán: Áp dụng đối với khách hàng không giao dịch thường xuyên với tổ chức tín dụng. Trong trường hợp này, tổ chức tín dụng phải trả ngay chứng từ thu phí dịch vụ cho khách hàng nộp theo quy định hiện hành;

b) Thu theo định kỳ thỏa thuận bằng hợp đồng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng: Vào cuối định kỳ đã thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng, Tổ chức tín dụng lập Bảng kê các khoản thanh toán của khách hàng đã thực hiện trong kỳ để làm căn cứ tính toán phí dịch vụ thanh toán phải thu, được chủ động lập chứng từ trích tài khoản của khách hàng để thu phí dịch vụ thanh toán và phải gửi giấy báo Nợ cho khách hàng. Nếu khách hàng thanh toán chậm phí dịch vụ thanh toán cho tổ chức tín dụng khi đến hạn đã thỏa thuận thì khách hàng có thể bị phạt chậm trả theo quy định của chế độ thanh toán hiện hành.

2. Giữa Ngân hàng Nhà nước với khách hàng là tổ chức tín dụng và Kho bạc nhà nước: Định kỳ hàng tháng, Ngân hàng Nhà nước lập Bảng kê các khoản thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước của khách hàng có giao dịch thanh toán để tính toán phí dịch vụ phải thu, được chủ động lập



chứng từ trích tài khoản tiền gửi của khách hàng để thu phí dịch vụ và phải gửi giấy báo Nợ cho khách hàng theo quy định.

**Điều 11.** Thu và trả phí dịch vụ thanh toán giữa các tổ chức tín dụng.

1. Giữa các đơn vị tổ chức tín dụng cùng hệ thống (sở giao dịch và chi nhánh): Việc thu và trả (điều hòa) phí dịch vụ thanh toán giữa các đơn vị tổ chức tín dụng cùng hệ thống do Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng quy định cho hệ thống của mình.

2. Các tổ chức tín dụng được thỏa thuận trực tiếp với nhau về việc thu, trả phí dịch vụ thanh toán đối với các khoản thanh toán phát sinh hay tiếp nhận trực tiếp với nhau hoặc qua thanh toán bù trừ do Ngân hàng Nhà nước tổ chức (chủ trì).

**Điều 12.** Đồng tiền và chứng từ sử dụng trong thu phí dịch vụ thanh toán.

1. Đồng tiền sử dụng trong thu phí dịch vụ thanh toán:

a) Đối với dịch vụ thanh toán trong nước thực hiện bằng Đồng Việt Nam: Đồng tiền sử dụng để thanh toán phí dịch vụ thanh toán là Đồng Việt Nam;

b) Đối với dịch vụ thanh toán với nước ngoài hoặc thanh toán trong nước được phép thực hiện bằng ngoại tệ: Khách hàng có thể thanh toán bằng Đô la Mỹ (USD) hoặc bằng Đồng Việt Nam (VND) hoặc ngoại tệ khác theo thỏa thuận với

ngân hàng phục vụ mình và phù hợp với pháp luật về quản lý ngoại hối.

2. Chứng từ sử dụng trong thu phí dịch vụ thanh toán: Ngân hàng phải thực hiện theo quy định hiện hành của Chế độ chứng từ kế toán Ngân hàng, Tổ chức tín dụng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.

a) Chứng từ thu phí dịch vụ thanh toán của Ngân hàng Nhà nước không có các yếu tố về thuế;

b) Chứng từ thu phí dịch vụ thanh toán của tổ chức tín dụng phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Tài chính về hóa đơn, chứng từ giá trị gia tăng.

**Điều 13.** Xử lý vi phạm.

Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Quy định này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

### III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 14.** Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước  
*Phó Thống đốc*

NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG